

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-CDKTNTT ngày 01 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ)

Tên ngành, nghề:	LOGISTICS
Mã ngành, nghề:	6340113
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. - Tốt nghiệp trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc học, thi đạt kiến thức văn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT.
Thời gian khóa học:	2,5 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành nghề đào tạo

UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt “Đề án phát triển ngành Logistics trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, thành phố sẽ xây dựng 7 trung tâm Logistics, với tổng diện tích hơn 620ha. Tổng nhu cầu vốn phát triển ngành Logistics giai đoạn này gần 96.000 tỷ đồng. Từ đó, đưa ngành Logistics thành ngành dịch vụ mũi nhọn, là thị trường tiềm năng cho lực lượng lao động trong tương lai.

Theo đuổi ngành học này, người học sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics như: chuẩn bị, sắp xếp, đóng gói, kê kí mã hiệu và bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa ra cảng và làm thủ tục thông quan xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Bên cạnh đó, người học còn biết cách phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các doanh nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics trình độ cao đẳng tại trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận nền tảng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc trong lĩnh vực Logistics, có khả năng tự học tập, làm việc và thăng tiến trong môi trường làm việc, cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

Người học tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Logistics, đủ khả năng tiếp tục học lên chương trình đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng và giúp người học hình thành các thái độ cần thiết nhằm:

2.2.1. Kiến thức:

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics, và phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các tổ chức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về giáo dục chính trị, giáo dục quốc phòng và an ninh, pháp luật, giáo dục thể chất;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, marketing căn bản, marketing quốc tế, luật thương mại;

+ Trình bày được các kiến thức chuyên môn về nhập môn Logistics, quản trị quan hệ khách hàng, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, nghiệp vụ mua hàng, vận tải đa phương thức, tài chính doanh nghiệp, quản trị kênh phân phối, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, thanh toán quốc tế, thủ tục hải quan, quản trị thương hiệu, bảo hiểm hàng hải, thương mại điện tử cơ bản, dịch vụ khách hàng trong Logistics, quản trị rủi ro, phân tích hoạt động kinh doanh.

+ Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của ngành nghề Logistics;

+ Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại một doanh nghiệp Logistics;

+ Xác định được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với đối tác và khách hàng;

+ Cập nhật được các quy định và chính sách về thủ tục kinh doanh xuất nhập khẩu;

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong hoạt động Logistics;

2.2.2. Kỹ năng:

Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, cũng như các kỹ năng tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả trong hoạt động Logistics:

+ Thực hiện được các nghiệp vụ Logistics như: Vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu hàng hóa;

+ Thực hiện được các phương thức vận tải hàng hóa, thủ tục hải quan;

+ Sử dụng được các công cụ marketing nhằm thuyết phục khách hàng thuê các dịch vụ Logistics;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt trình độ A2, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Thiết lập, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động logistics.

+ Ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động logistics.

+ Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc, và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;

+ Có khả năng sử dụng kỹ năng phần mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế thế giới:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà Nước, nội qui làm việc tại đơn vị;

+ Giao tiếp hiệu quả thông qua viết văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ tình huống;

+ Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận hoàn thành được mục tiêu trong công việc;

+ Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và tuân thủ đúng luật thương mại, luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

+ Có tinh thần hợp tác trong công việc, thiện chí trong tiếp nhận ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;

+ Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

+ Có ý thức bảo vệ an toàn sức khỏe, và môi trường trong hoạt động Logistics;

+ Ý thức trách nhiệm tự giác tham gia bảo vệ môi trường;

+ Thích ứng được với sự thay đổi trong thời đại 4.0;

+ Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực, và trình độ chuyên môn thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc ở những tổ chức và đảm nhận các vị trí công việc như:

+ Nơi làm việc: người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngành, nghề Logistics trình độ cao đẳng Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, chủ yếu làm việc Tại các bộ phận, phòng ban về vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có hoạt động Logistics gồm: Hãng tàu, hãng hàng không, công ty giao nhận, kho hàng, công ty chuyển phát nhanh, công ty thương mại điện tử, kho hàng, trung tâm phân phối hàng, công ty xuất nhập khẩu, đại lý thương mại, nhà bán lẻ, doanh nghiệp sản xuất...

+ Vị trí việc làm có thể đảm nhận:

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí công việc như: Nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên giao nhận, đại lý hãng tàu, nhân viên thu mua, nhân viên thủ kho, nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý chất lượng, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ...

+ Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, sinh viên có cơ hội thăng tiến và phát triển tại vị trí công việc cao hơn, học lên ở các trình độ cao hơn, hoặc khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực Logistics.

- *Khả năng học tập và nâng cao trình độ:*

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông liên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề, hoặc trong nhóm ngành, nghề, hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô-đun: **34** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2085/92 (giờ / tín chỉ)**
- Khối lượng các môn học chung: **435** giờ
- Khối lượng các môn học, mô-đun cơ sở; môn học, mô-đun chuyên môn; môn học, mô-đun tự chọn: **1650** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **713** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm...: **1372** giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

STT	Mã NL	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-041-01	Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành.
2	NLCB-041-02	Sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số.
3	NLCB-041-03	Thực hiện sơ cấp cứu cơ bản.
4	NLCB-041-04	Rèn luyện thân thể và đạo đức nghề nghiệp.
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
5	NLCL- 041- 01	Áp dụng các chức năng quản trị, lập kế hoạch chiến lược, kế hoạch tác nghiệp, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các công việc trong tổ chức sản xuất và quản lý ở doanh nghiệp.
6	NLCL 041- 02	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, kỹ năng tiếp khách, làm việc nhóm, phỏng vấn xin việc, quản lý thời gian

7	NLCL 041- 03	Áp dụng những kiến thức về marketing, các lĩnh vực hoạt động của Marketing trong doanh nghiệp và các hoạt động Marketing quốc tế.
8	NLCL- 041- 04	Cập nhật chính sách, pháp luật thương mại, giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại và một số lĩnh vực pháp luật thiết yếu phù hợp với từng trình độ
9	NLCL - 041- 05	Điều phối các hoạt động logistics. Các hoạt động hỗ trợ tại doanh nghiệp như kho bãi, kiểm soát tồn kho, vận chuyển mua hàng, đóng gói,...
10	NLCL - 041- 06	Quản trị tốt mối quan hệ khách hàng thông qua lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, kiểm tra trong tìm kiếm, duy trì mối quan hệ với khách hàng
11	NLCL - 041- 07	Thiết lập các loại chứng từ thông dụng trong vận tải ngoại thương cũng như vai trò cần thiết của từng loại chứng từ đó.
12	NLCL - 041- 08	Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc sử dụng xử lý dữ liệu bằng tính cho ngành Logistics
13	NLCL - 041- 09	Ứng dụng các phương thức vận tải cho hoạt động vận tải hàng hóa phù hợp theo từng loại container trong vận chuyển hàng hóa nội địa và xuất khẩu
14	NLCL - 041- 10	Thực hiện các kỹ thuật đàm phán trong hợp đồng ngoại thương
15	NLCL - 041- 11	Sử dụng hiệu quả những thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành liên quan đến logistics
16	NLCL - 041- 12	Hiểu biết về tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp. Theo dõi, quản lý, kiểm tra một cách chặt chẽ các chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.
17	NLCL- 041 - 13	Hiểu và vận dụng được hoạt động phân phối và cách thức quản trị hệ thống kênh phân phối của một doanh nghiệp
18	NLCL- 041 - 14	Nắm bắt được quy trình quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp từ sản xuất, kho bãi, vận tải, phân phối
19	NLCL- 041 - 15	Vận dụng các điều kiện thanh toán quốc tế
20	NLCL- 041 - 16	Thực hiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa xuất, nhập khẩu.
21	NLCL- 041 - 17	Thiết lập hệ thống Quản lý chất lượng theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng
22	NLCL- 041 - 18	Thiết lập thương hiệu, bảo vệ tài sản thương hiệu và sức

		khôe thương hiệu cho doanh nghiệp
23	NLCL- 041 - 19	Vận dụng các điều khoản incoterms 2010
24	NLCL- 041 - 20	Nắm bắt kiến thức về bảo hiểm trong hoạt động vận tải hàng hóa đường biển
25	NLCL- 041 - 21	Ứng dụng các kiến thức về hoạt động thương mại điện tử cho lĩnh vực logistics
26	NLCL- 041 - 22	Đảm nhận công việc phù hợp liên quan đến hoạt động logistics
27	NLCL- 041 - 23	Thiết lập phòng ngừa rủi ro trong hoạt động logistics cho doanh nghiệp
28	NLCL- 041 - 24	Xây dựng, cung cấp dịch vụ logistics mà khách hàng cần
29	NLCL- 041 - 25	Phân tích hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics trong doanh nghiệp
30	NLCL- 041 - 26	Hiểu và vận dụng kiến thức về đầu tư, các dự án đầu tư
31	NLCL- 041 - 27	Cập nhật chính sách, pháp luật về vận tải đa phương thức
III Năng lực nâng cao		
32	NLNC- 041 - 28	Mua bán, giao dịch sản phẩm logistics qua sàn thương mại điện tử
33	NLNC- 041 - 29	Cập nhật thường xuyên chính sách, quy định của tổ chức, hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên để hưởng ưu đãi thuế quan

6. Nội dung chương trình:

S T T	MÃ MH/ MB	TÊN MÔN HỌC / MÔ-ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT ...	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			19	435	116	297	22
1	110109	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	110102	Giáo dục QP và AN	3	75	15	57	3
3	110103	Giáo dục thể chất	2	60	5	52	3
4	110104	Pháp luật	2	30	20	7	3
5	110107	Tiếng Anh 1	2	60	10	47	3

6	110108	Tiếng Anh 2	2	60	10	47	3
7	510101	Tin học	3	75	15	58	2
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			73	1650	597	969	84
<i>II.1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CƠ SỞ</i>			<i>15</i>	<i>270</i>	<i>162</i>	<i>88</i>	<i>20</i>
8	610107	Quản trị học	3	60	30	27	3
9	610103	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	7	3
10	610108	Marketing cơ bản	2	45	15	27	3
11	610109	Luật thương mại	2	45	15	27	3
12	610105	Kinh tế vi mô	4	60	55	0	5
13	610110	Marketing quốc tế	2	30	27	0	3
<i>II.2. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN</i>			<i>48</i>	<i>1020</i>	<i>405</i>	<i>554</i>	<i>61</i>
14	610401	Nhập môn Logistics	2	45	15	27	3
15	610402	Quản trị quan hệ khách hàng	2	45	15	27	3
16	610423	Tin học ứng dụng	2	45	15	27	3
17	610404	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	60	30	27	3
18	610405	Nghiệp vụ mua hàng	2	45	15	27	3
19	610406	Vận tải đa phương thức	3	60	30	27	3
20	610407	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2	45	15	27	3
21	610203	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	25	5
22	610408	Quản trị kênh phân phối	3	45	30	12	3
23	610409	Quản trị chuỗi cung ứng	3	60	30	27	3
24	610410	Thanh Toán quốc tế	3	60	30	27	3
25	610411	Thủ tục hải quan	3	60	30	27	3
26	610424	Quản trị thương hiệu	2	45	15	27	3
27	610425	Bảo hiểm hàng hải	2	45	15	27	3
28	610213	Thương mại điện tử cơ bản	2	45	15	27	3

29	610422	Thực hành Logistics	4	105	15	85	5
30	610420	Quản trị rủi ro	3	60	30	27	3
31	610426	Dịch vụ khách hàng trong logistics	2	45	15	27	3
32	610427	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	15	27	3
II.3. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN TỰ CHỌN			3	45	30	12	3
33	610417	Quản trị chất lượng (*)	3	45	30	12	3
34	610418	Quản trị chiến lược	3	45	30	12	3
35	610419	Quản trị dự án	3	45	30	12	3
II.4. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			7	315	0	315	0
36	610421	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	315	0
TỔNG CỘNG			92	2085	713	1266	106

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng qui định.

Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

5	Thăm quan, dã ngoại,...	Mỗi học kỳ 1 lần
---	-------------------------	------------------

7.3 Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học:

Thời gian tổ chức thi kết thúc môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học.

7.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Người học phải có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp (nếu có)

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng và công nhận danh hiệu **Cử nhân thực hành** theo quy định của Trường.

7.5. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số môn học, mô-đun đào tạo trong chương trình nêu trên để xây dựng chương trình đào tạo trung cấp nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ cao đẳng.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô-đun không được đào tạo trong chương trình trung cấp./.

TRƯỞNG KHOA



Lê Thị Kim Huệ



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đình Hải